

Số: 81/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Tạm phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập  
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11  
năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị  
lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ  
thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các  
đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự  
nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban  
hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Công văn số 6000/BNV-TCBC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ  
Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp  
công lập năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 35-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban  
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 - 2026;

Xét Tờ trình số 3078/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết tạm phê duyệt tổng số người làm  
việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh



*Cao Bằng năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tạm phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2024, cụ thể như sau:

**I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.269 biên chế,** trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 15.532 biên chế (95,47%);

- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 737 biên chế (4,53%);

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: 5.386 biên chế (33,11%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 4.970 biên chế (92,28%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 416 biên chế (7,72%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: 10.878 biên chế (66,86%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.562 biên chế (97,10%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 316 biên chế (2,90%).

- Biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập: 05 biên chế (0,03%).

**II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế,** trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;

2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;

3. Biên chế thu hồi sau sáp nhập đơn vị hành chính: 02 biên chế.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.



**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *lđh*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**



**Phụ lục**

**TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

*Đơn vị tính: Người làm việc*

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
<b>A</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>	<b>16.269</b>	<b>15.532</b>	<b>737</b>	<b>11.570</b>	<b>367</b>	<b>2.915</b>	<b>316</b>	<b>476</b>	<b>15</b>	<b>42</b>	<b>4</b>	<b>529</b>	<b>35</b>
<b>I</b>	<b>Sở, ban, ngành</b>	<b>5.386</b>	<b>4.970</b>	<b>416</b>	<b>1.397</b>	<b>51</b>	<b>2.915</b>	<b>316</b>	<b>289</b>	<b>15</b>	<b>42</b>	<b>4</b>	<b>327</b>	<b>30</b>
1	Sở Nội vụ	15	14	1									14	1
2	Sở Tư pháp	40	38	2									38	2
3	Sở Công Thương	24	22	2									22	2
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	132	12									132	12
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	70	5									70	5
6	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	0									21	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	196	185	11	120	11	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	210	8					210	8				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4							40	4		



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.317	1277	40	1277	40								
11	Sở Y tế	3.166	2850	316			2850	316						
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0									7	
13	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	17	17	0									17	
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	3	8									3	8
15	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	86	79	7					79	7				
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0									3	
17	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0							2			
<b>II</b>	<b>UBND các huyện, thành phố</b>	<b>10.878</b>	<b>10.562</b>	<b>316</b>	<b>10.173</b>	<b>316</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>187</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>202</b>	<b>0</b>
1	UBND huyện Bảo Lâm	1.381	1356	25	1.321	25			19				16	
2	UBND huyện Bảo Lạc	1.198	1173	25	1.151	25			10				12	
3	UBND huyện Hà Quảng	1.596	1570	26	1.518	26			28				24	
4	UBND huyện Hạ Lang	556	541	15	514	15			16				11	



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số			Trong đó phân theo lĩnh vực									
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	UBND huyện Hoà An	947	917	30	885	30			13				19	
6	UBND huyện Nguyên Bình	941	909	32	876	32			17				16	
7	UBND huyện Quảng Hoà	1.260	1220	40	1.171	40			22				27	
8	UBND huyện Thạch An	700	677	23	648	23			16				13	
9	UBND huyện Trùng Khánh	1.308	1268	40	1.216	40			26				26	
10	UBND thành phố Cao Bằng	991	931	60	873	60			20				38	
III	Số biên chế thu hồi sau sắp xếp, tổ chức lại đơn vị vị sự nghiệp công lập	5	0	5									0	5
B	TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ	76												
I	Các hội ở cấp tỉnh	63												
1	Liên minh Hợp tác xã	14												
2	Hội Văn học nghệ thuật	7												
3	Hội Chữ thập đỏ	7												
4	Hội Người mù	5												



TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
5	Hội Đông y	6												
6	Hội Nhà báo	5												
7	Hội Khuyến học	1												
8	Hội Luật gia	1												
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1												
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6												
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1												
12	Hội Làm vườn	3												
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam điôxin	1												
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1												
15	Hội Kiến trúc sư	1												
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1												
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2												





TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Tổng	Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế	
			Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
II	Hội Chữ thập đỏ tại các huyện, thành phố	11												
1	Bảo Lâm	1												
2	Bảo Lạc	1												
3	Hà Quảng	2												
4	Hạ Lang	1												
5	Hòa An	1												
6	Nguyên Bình	1												
7	Quảng Hòa	1												
9	Thạch An	1												
12	Trùng Khánh	1												
13	Thành phố Cao Bằng	1												
III	Số biên chế thu hồi sau sắp xếp đơn vị hành chính	2												

